

Bản án số: 08/2023/HS-ST

Ngày 23 tháng 6 năm 2023

NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC – TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông: **Xa Quý Thọ**

Các hội thẩm nhân dân: **Vì Văn Muộn** và **Phùng Hòa Hiệp**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông: **Bùi Ngọc Tùng Trúc** – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình

Đại diện **Viên kiểm sát nhân dân huyện Đ** tham gia phiên tòa: Ông: **Phạm Minh N** – Kiểm sát viên sơ cấp Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/HS-ST, ngày 04 tháng 5 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXHS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Hồng S** – Sinh ngày 10/9/1978;

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Trú tại: **Khu A, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ**.

Nơi đăng ký HKTT & chỗ ở hiện nay: Khu 10, xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Bố là **Phạm Văn T** – sinh năm 1941, mẹ là **Cù Thị H** – Sinh năm 1949, cùng trú tại **Khu A, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ**.

Gia đình có bốn anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo **Phạm Hồng S** hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ **Công an huyện Đ**, tỉnh Hòa Bình từ ngày 07 tháng 02 năm 2023, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại:

Họ và tên: **Tòng Thị T1** – sinh năm: 1978; Địa chỉ: **Tiểu khu Tây Măng TT Đ, Đ - Hòa Bình**. Có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Bàn Thị T2** – sinh năm: 1962; Địa chỉ: **TK T, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình**. Có mặt

3.2. **Phạm Thị Bích N1** – sinh năm: 1982; Địa chỉ: **TK M, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình**. Vắng mặt

4. Người Làm chứng:

4.1. **Bàn Thị M** – sinh năm: 1982; Địa chỉ: **TK T, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình**. Vắng mặt

4.2. **Bàn Văn P** – sinh năm: 1989; Địa chỉ: **TK T, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình**. Có mặt

4.3. **Bàn Văn Q** – sinh năm: 1952; Địa chỉ: **TK T, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hồng S – sinh năm 1978, trú tại **khu A, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ** là lao động tự do, có quan hệ yêu đương với chị **Bàn Thị M** – sinh năm 1982 trú tại **tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình**. Ngày 17/01/2023, **S** điều khiển xe mô tô mang BKS 19F1-371.73 đến gia đình chị **M** chơi tết nguyên đán và ở lại đó. Trong gia đình chị **M** có bố là ông **Bàn Văn Q** – sinh năm 1952, mẹ là **Bàn Thị T2** – sinh năm 1962, em trai là **Bàn Văn P** – sinh năm 1989 và em dâu **Tòng Thị T1** – sinh năm 1989 cùng chung sống. Ngày 23/01/2023 bà **T2** đưa cho chị **T1** bộ dây **B** là đồ trang sức của người dân tộc Dao khi mặc trang phục truyền thống để vợ chồng **P, T1** đi làm lễ tại **xóm B, xã C**. **Bộ D** (hay còn gọi là dây xà tích) gồm 14 sợi chia làm 2 bộ là: 01 bộ 05 dây bạc có chiều dài từ 54cm đến 85cm được lồng chung đầu dây vào 01 vòng Bạc; 01 bộ 09 dây bạc có chiều dài các sợi 6 đến 7 cm được lồng chung vào một vòng bạc, 05/09 đầu sợi còn lại treo đồng xu và 04/09 đầu sợi có treo miếng bạc có hoa văn bọ ở phần đầu bằng 01 vật có hình dạng móng vuốt động vật có chiều dài 02- 03 cm. Sau khi đi làm lễ về, chị **T1** vẫn cất bộ dây bạc trong cốp xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RFX mang biển kiểm soát 28D1-125.58 và **Phạm Hồng S** có nghe chị **T1** nói với anh **P** về việc này. Khoảng 18 giờ ngày 27/01/2023 **Phạm Hồng S** điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 19F1-371.73 của **S** rời khỏi nhà **M** để đi làm ở tỉnh Hà Nam nhưng trên đường đi bị tổ công tác **đội Cảnh sát giao thông huyện Đ** tạm giữ phương tiện vì vi phạm luật giao thông nên **S** đi nhờ xe người qua đường trở lại nhà ông **Q, bà T2**. Đến nơi là khoảng 20 giờ cùng ngày, lúc này **S** biết chỉ có ông **Q** bà **T2** và chị **M** ở nhà nhưng quan sát thấy cửa nhà chính đóng, điện trong nhà tắt chỉ còn bóng điện ngoài sân. **S** thấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe RSX mang biển kiểm soát 28D1-125.58 của **Bàn Văn P** dựng ở gian nhà trái sát tường nhà bếp vẫn còn cắm sẵn chìa khóa trên ổ khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp bộ dây bạc mà vợ chồng **P, T1** còn để trong cốp xe. **S** tiến đến dùng tay phải vặn chìa khóa mở cốp xe, rồi luồn tay vào trong cốp xe sờ thấy túi ni lông có đựng bộ dây bạc rồi lấy ra cất vào túi áo khoác đang mặc trên người rồi rời khỏi nhà ông **Q, bà T2**. **S** đi nhờ xe người qua đường đến **thị trấn Đ**, vào **cửa hàng V** bán một bộ 05 dây bạc được số tiền 3.175.000 đồng rồi lấy tiền đó đến **Công an huyện Đ** nộp phạt và điều khiển xe mô tô trở lại nhà chị **M** ngủ và ở lại đây. **Bộ I** dây bạc **S** cất trong túi

áo khoác của mình, tới khoảng 07 giờ 30 phút ngày 30/01/2023 **Phạm Hồng S** tiếp tục đến **cửa hàng V** bán nốt **bộ I** dây bạc được số tiền 1.400.000 đồng rồi điều khiển xe đi làm tại tỉnh Hà Nam.

Đến ngày 02/02/2023 bà **Bàn Thị T2** và chị **Bàn Thị M** biết tin bán bộ dây bạc được rao trên mạng xã hội nên đến cửa hàng vàng bạc **Minh L** để hỏi mua bạc thì phát hiện số tài sản của gia đình bị mất nên đã mua lại. Sau đó, chị **Tòng Thị T1** đến **cửa hàng V** xin trích xuất hình ảnh và video camera giám sát trong cửa hàng, xác định người trộm cắp là **Phạm Hồng S**. Ngày 07/02/2023 chị **T1** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ** tố giác **Phạm Hồng S** về hành vi trộm cắp tài sản. Đến 16 giờ ngày 07/02/2023, **Phạm Hồng S** bị cơ quan CSĐT **Công an huyện Đ** bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp tại **Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình** về hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 13/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự **huyện Đ** kết luận:

“- 01 bộ gồm 05 dây kim loại màu bạc, dạng xoắn, trong đó: 01 dây có chiều dài 85cm, 02 dây có chiều dài 79cm, 02 dây có chiều dài 54cm được móc vào 01 vòng trong kim loại màu bạc có đường kính 2,5cm. Có giá trị là 4.667.000 đồng”

- 01 bộ gồm 09 dây kim loại màu bạc, dạng xoắn, có độ dài khác nhau từ 6cm đến 7cm, một đầu được móc vào 01 vòng tròn kim loại màu bạc có đường kính 2,5cm, đầu còn lại được móc đồng bạc xoà và vật có hình dạng móng vuốt động vật, trong đó 05/09 dây được móc đồng bạc xoè có đường kính 2,5cm; 04/09 dây được móc vật có hình dạng móng vuốt động vật có chiều dài từ 2-3cm, một phần được bọc kim loại màu bạc. Có giá trị là: 2.033.000 đồng”

Tổng giá trị là: 6.700.000 đồng. (Bằng chữ: Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng)”.

Tại bản kết luận giám định số 1251/KL-KTHS ngày 28/02/2023 của **V1 - Bộ C** kết luận:

“ - 01 (một) bộ dây đều bằng kim loại màu trắng bạc gồm 05 (năm) sợi dây chế tạo dạng mắt xích nối với nhau, trên đầu mỗi sợi dây đều có vòng tròn nhỏ lồng chung vào 01 (một) vòng tròn to dạng hở có tổng khối lượng 224,3 gam, trong đó:

+ 05 (năm) sợi dây chế tác dạng mắt xích nối với nhau đều là bạc (Ag); **hàm lượng trung bình A1: 98,51%**

+ Các vòng tròn nhỏ đều là hợp kim của bạc (Ag), đồng (Cu); **hàm lượng trung bình A1: 92,21%**.

+ 01 (một) vòng tròn to là hợp kim của (**A1**), đồng (Cu), **K (Z)**, **N2 (Ni)**; hàm lượng bạc (**A**): 78,79%.

- 01 (một) bộ dây đều bằng kim loại màu trắng bạc gồm: 09 (chín) sợi dây chế tác dạng các mắt xích nối với nhau, trên một đầu mỗi sợi dây đều có vòng tròn nhỏ

lồng chung vào 01 (một) vòng tròn to dạng hở, đầu còn lại đều có vòng tròn nhỏ, trong đó 05 (năm) sợi đều treo 01 (một) đồng xu và 04 (bốn) sợi đều được treo 01 (một) miếng kim loại có hoa văn có tổng khối lượng 78,35 gam, trong đó:

+ 09 (chín) sợi dây chế tác dạng các mắt xích nối với nhau đều là bạc (Ag); hàm lượng trung bình A1: 98,20%.

+ 04 (bốn) miếng kim loại có hoa văn đều là hợp kim của bạc (A1), đồng (Cu); hàm lượng trung bình A1: 91,97%.

+ 01 (một) vòng tròn to là hợp kim của (A1), đồng (Cu),; hàm lượng bạc (A): 72,09%.

+ 05 (năm) đồng xu đều là hợp kim của (A), đồng (Cu),; hàm lượng bạc (A): 72,09%.”.

Ngày 09/02/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định khởi tố vụ án số: 02/QĐ-CSĐT, ngày 15/02/2023 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Hồng S số: 03/QĐ-CSĐT (CSHS).

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKSĐB, ngày 04/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Phạm Hồng S về tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Phạm Hồng S về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 173 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173, điều 38; điểm i, s khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Tòng Thị T1 không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là chủ sở hữu tài sản bị trộm cắp bà Bàn Thị T2 yêu cầu bị cáo Phạm Hồng S1 bồi thường số tiền 8.000.000 đồng gồm tiền mua lại tài sản và tiền chi phí đi lại tìm kiếm tài sản bị mất trộm. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên Tòa, bị cáo Phạm Hồng S đồng ý với yêu cầu của bà T2. Đề nghị HĐXX ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo S với bà T2 về mức bồi thường trách nhiệm dân sự trong vụ án.

Tại cáo trạng có nêu: đối với số tiền 2.425.000 đồng chị Phạm Thị Bích N1 thu lợi bất chính từ các giao dịch dân sự ngay tình nhưng bất hợp pháp cần phải tịch thu, cần sung vào ngân sách Nhà Nước. Tuy nhiên, tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao dịch dân sự trên là ngay tình, không đề cập xử lý.

Trong phần tranh luận, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự, bị cáo không khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều thực hiện hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của Phạm Hồng S tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và nội dung của bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, như vậy có đủ căn cứ để chứng minh rằng bị cáo Phạm Hồng S có hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 27/01/2023 Phạm Hồng S lợi dụng sự sơ hở trong việc trông coi tài sản của chủ sở hữu, khi S thấy xe máy của Bàn Văn P dựng ở gian nhà bếp vẫn còn cắm chìa khóa trong ổ cắm nên nảy sinh ý đồ trộm cắp bộ dây bạc. S đã lén lút mở cốp xe và lấy túi nilong có đựng bộ dây bạc cất vào túi áo khoác đang mặc rồi rời khỏi nhà ông Q. Dem tài sản trộm cắp được đi bán tại cửa hàng V ở thị trấn Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 13/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Đ kết luận:

- 01 gồm 05 dây kim loại màu bạc, dạng xoắn, trong đó: 01 dây có chiều dài 85 cm, 02 dây có chiều dài 79 cm, 02 dây có chiều dài 54 cm được móc vào 01 vòng tròn kim loại có đường kính 2,5 cm. Có giá trị là 4.667.000đ”.

- 01 Bộ gồm 09 dây kim loại màu bạc, dạng xoắn, có độ dài khác nhau từ 06 đến 07 cm, một đầu được móc vào 01 vòng kim loại màu bạc có đường kính 0,2 cm, đầu còn lại được móc đồng bạc xòe và vật có hình dạng móng vuốt động vật, trong đó 05/09 dây được móc đồng bạc xòe đường kính 2,5 cm; 04/09 dây được móc vật có hình dạng móng vuốt động vật có chiều dài từ 02 – 03cm, một phần được bọc kim loại màu bạc. Có giá trị 2.033.000đồng” .

Tổng giá trị là: 6.700000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Hành vi trộm cắp bộ dây bạc có tổng giá trị là: 6.700000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) của gia đình bà Bàn Thị T2 của bị cáo Phạm Hồng S đã hội đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc truy tố bị cáo Phạm Hồng S về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, do vậy cần phải xử phạt bị cáo bằng một bản án nghiêm khắc nhằm răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS.

[5] Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Tài sản bị trộm cắp gồm:

- 05 dọi dây chế tác dạng mắc xích nối với nhau, trên đầu mỗi dọi dây đều có vòng tròn nhỏ lồng chung vào một vòng tròn to dạng hở và 09 (chín) dọi dây chế tác dạng các mắc xích nối với nhau, trên mỗi đầu dọi dây đều có vòng tròn nhỏ lồng trong đó 05 (năm) sợi đều treo một đồng xu và bốn sợi đều được treo một miếng bạc có hoa văn và 04 (bốn) vật có hình dạng móng vuốt là tài sản của bà **Bàn Thị T2** cần phải trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với chiếc xe mô tô xe máy nhãn hiệu HONDA loại xe WAVE RFX FI màu đỏ mang biển kiểm soát 19 F1-371-73, số máy JA52E0237836, số khung RXHJA385MY108199, có hai gương chiếu hậu, xe cũ đã qua sử dụng của bị cáo **S** không phải là phương tiện phạm tội, cần phải trả lại cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự “Người phạm tội có thể bị phạt tù từ 5 triệu đồng đến 500 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên người bị hại **T3** thì **T1** không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập xử lý.

Tại phiên Tòa, Bà **Bàn Thị T2** là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là chủ sở hữu tài sản bị trộm cắp yêu cầu bị cáo **Phạm Hồng S** phải bồi thường trách nhiệm dân sự tổng số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) gồm các khoản chi phí đi lại tìm kiếm tài sản và tiền mua lại tài sản từ **cửa hàng V**. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên, cần ghi nhận thỏa thuận của các bên.

Đối với số tiền 2.425.000đ chị **Phạm Thị Bích N1** thu lợi từ giao dịch dân sự do mua bán bộ dây bạc là giao dịch ngay tình, khi mua tài sản, chủ cửa hàng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, do đó Hội đồng xét xử không đề cập trách nhiệm của chị **N1** trong vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự;
Tuyên bố bị cáo **Phạm Hồng S** phạm tội Trộm cắp tài sản;

Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận thỏa thuận sự tự nguyện bồi thường trách nhiệm dân sự giữa **Phạm Hồng S** và bà **Bàn Thị T2** với số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà **Bàn Thị T2** có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo **Phạm Hồng S** không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự;

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Bàn Thị T2**:

- 01 (một) phong bì niêm phong có dấu đỏ của **V1, Bộ C** và chữ ký ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia, bên trong chứa bộ dây kim loại Bạc có tổng khối lượng 302,08 gam gồm: 05 (năm) sợi dây chế tác dạng mắt xích nối với nhau, trên đầu mỗi sợi dây đều có vòng tròn nhỏ lồng chung vào 01 (một) vòng tròn to dạng hở và 09 (chín) sợi dây chế tác dạng các mắt xích nối với nhau, trên một đầu mỗi sợi dây đều có vòng tròn nhỏ lồng chung vào 01 (một) vòng tròn to dạng hở, đầu còn lại đều có vòng tròn nhỏ, trong đó 05 (năm) sợi đều treo 01 (một) đồng xu và 04 (bốn) sợi đều được treo 01 (một) miếng bạc có hoa văn.

- 04 (bốn) vật có hình dạng móng vuốt được niêm phong vào một phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ.**

Trả lại cho bị cáo **Phạm Hồng S**:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại xe WAVE RSX FI màu đỏ - đen mang biển kiểm soát 19F1-371.73, số máy JAS2E0237836, số khung RLHJA3853MY108199, có hai gương chiếu hậu, xe cũ đã qua sử dụng.

5. Về án phí:

Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu, miễn,

giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH, buộc bị cáo **Phạm Hồng S** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể, từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa- VKSND

huyện Đà Bắc.- CQĐT, THAHS huyện Đà Bắc.- CCTHADS huyện Đà Bắc.- Bị cáo.- Bị hại.-

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.- Lưu hồ sơ.

Xa Quý Thạo